TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2020/QĐST-TCDS V/v "Kiện tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và giải quyết công nợ".	*Phủ Lý, ngày 26 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLST – TCDS ngày 01 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành lập ngày 18/8/2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Mạnh H, sinh năm 1950.
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954.

Đều có địa chỉ: Số nhà 128, đường B, tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Bùi Anh D, sinh năm 1980.
Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

Đều có địa chỉ: Số nhà 128, đường B, tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng V; Trụ sở chính: Số 108 T, H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Th; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Trụ sở chi nhánh Hà Nam: số 211 L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy V; chức vụ: Giám đốc chi nhánh; ông Tạ Quang Tr – Phó Phòng tổng hợp (Theo văn bản ủy quyền số 867/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 16.11.2018 của chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng V).

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 442, đường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu trả nhà và đất: Ông H, bà N, anh D, chị T thống nhất: Anh D, chị T có nghĩa vụ bàn giao lại nhà và đất tại số nhà 128 đường B, tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam cho ông H bà N sở hữu, sử dụng. Ông H, bà N có trách nhiệm trả cho chị T số tiền xây dựng nhà theo kết quả định giá tài sản ngày 29/7/2020 là 3.218.540.000đ (ba tỷ hai trăm mười tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Ngoài việc trả chị T số tiền xây dựng nhà là 3.218.540.000đ (ba tỷ hai trăm mười tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng) ông H, bà N còn cho 03 con chung của chị T, anh D số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) chị T là người quản lý tiền. Khi ông H, bà N bán nhà số 128, đường B, tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam thì có trách nhiệm giao trả cho chị T số tiền là 4.218.540.000đ (bốn tỷ hai trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Anh D không liên quan gì đến các khoản tiền nêu trên.

2.2. Về số nợ ngân hàng V: Toàn bộ số nợ liên quan đến ngân hàng V gồm 05 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thế chấp, cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số 02/2017 – HĐCV/NHCT384 – N ngày 04/7/2017, số tiền cho vay là 1.500.000.000đ, dư nợ hiện tại tính đến ngày 25/6/2020 là 1.045.000.000đ.

Hợp đồng cho vay số 01/2019 – HĐCV/NHCT384 – N ngày 26/3/2019, số tiền cho vay là 1.500.000.000đ, dư nợ hiện tại tính đến ngày 25/6/2020 là 1.318.000.000đ.

Hợp đồng cho vay số 04/2019 – HĐCV/NHCT384 – N ngày 23/7/2019, số tiền cho vay là 800.000.000đ, dư nợ hiện tại tính đến ngày 25/6/2020 là 800.000.000đ.

Hợp đồng cho vay số 05/2019 – HĐCV/NHCT384 – N ngày 18/12/2019, số tiền cho vay là 250.000.000đ, dư nợ hiện tại tính đến ngày 25/6/2020 là 250.000.000đ.

Hợp đồng cho vay số 01/2020 – HĐCV/NHCT384 – N ngày 06/4/2020, số tiền cho vay là 2.000.000.000đ, dư nợ hiện tại tính đến ngày 25/6/2020 là 2.000.000.000đ.

Tổng dư nợ gốc đến thời điểm ngày 25/6/2020 là 5.413.000.000đ (năm tỷ bốn trăm mười ba triệu đồng).

Toàn bộ số nợ này do ông H, bà N có trách nhiệm trực tiếp trả nợ theo hợp đồng tín dụng và xử lý hợp đồng thế chấp đối với Ngân hàng V. Ngoài ra không liên quan tới bất kỳ ai.

2.3. Về số nợ giữa chị T và bà N: Chị T có trách nhiệm trả nợ bà N số tiền nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng). Kể từ ngày 18/8/2020 đến khi ông H bà N bán nhà số 128, đường B, tổ 5, phường M, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, hàng tháng chị T có trách nhiệm trả bà N số tiền là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng). Đối trừ số tiền đã xây dựng nhà, chị T được nhận từ ông H, bà N khi bán nhà số 128, đường B, tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam là 4.218.540.000đ (bốn tỷ hai trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) với số tiền chị T còn nợ bà N 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), ông H, bà N còn phải trả chị T số tiền là 3.418.5400.000đ (ba tỷ bốn trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.4. Về số nợ giữa ông Bùi Mạnh H, bà Nguyễn Thị N với bà Nguyễn Thị H: Bà H và ông H, bà N thống nhất khi ông H, bà N bán nhà số 128, đường B, tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam thì có trách nhiệm giao trả bà H số tiền là 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) cùng ngày giao tiền cho chị T. Các bên thống nhất ông H, bà N không phải trả lãi của số tiền vay 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng)

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí thẩm định tại chỗ hết 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và định giá tài sản hết 3.000.000đ (ba triệu đồng). Ông Bùi Mạnh H, bà Nguyễn Thị N tự nguyện thanh toán toàn bộ và đã thanh toán xong.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị N có đơn xin miễn án phí và thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Đối với chị T phải chịu án phí không giá ngạch đối với nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng đất tại số nhà 128, đường B, tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam cho ông H, bà N sử dụng nhưng do các bên hòa giải thành nên được giảm 50% mức án phí. Chị T phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

2.8. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSNDTP Phủ Lý;
- Chi cục THA TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh